|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Luật Công chứng (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 (Nghị quyết số 89/2023/QH15) và Quyết định số /QĐ-TTg ngày / /2023 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 (Quyết định số /QĐ-TTg), Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành xây dựng dự án Luật Công chứng (sửa đổi). Bộ Tư pháp xin báo cáo Chính phủ về nội dung chủ yếu của dự án Luật này như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Dự án Luật được xây dựng trên các cơ sở chính trị, pháp lý sau đây:

- Nghị quyết số 89/2023/QH15, theo đó dự án Luật Công chứng (sửa đổi) sẽ được Quốc hội khoá XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024) và được Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024).

- Quyết định số /QĐ-TTg, trong đó giao Bộ Tư pháp nhiệm vụ trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật Công chứng (sửa đổi) vào tháng 11/2023.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Qua hơn 08 năm thi hành Luật Công chứng năm 2014, có thể khẳng định hoạt động công chứng có nhiều bước tiến mới. Đội ngũ công chứng viên (CCV) và tổ chức hành nghề công chứng (TCHNCC) ở nước ta ngày càng phát triển (số lượng CCV tăng khoảng gần 2,7 lần, số lượng TCHNCC tăng hơn 2 lần so với thời điểm Luật Công chứng năm 2014 bắt đầu có hiệu lực thi hành)[[1]](#footnote-1). Chất lượng đội ngũ CCV ngày càng được nâng cao, quy mô, hoạt động của các TCHNCC ngày càng chuyên nghiệp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội, người dân, doanh nghiệp. Trong hơn 08 năm thi hành Luật Công chứng năm 2014, các TCHNCC trên cả nước đã thực hiện hơn 41 triệu việc công chứng; tổng số phí công chứng thu được hơn 13 nghìn tỷ đồng; tổng số thù lao công chứng thu được hơn 2 nghìn tỷ đồng; tổng số tiền nộp thuế và nộp ngân sách nhà nước hơn 2,3 nghìn tỷ đồng. Các việc công chứng hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở, bất động sản và tài sản quan trọng khác chiếm tỷ lệ từ 70-80% số việc công chứng và giá trị phí, thù lao công chứng, góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch đối với những tài sản có giá trị lớn, đóng vai trò là phương tiện sản xuất cơ bản trong nền kinh tế. Việc công chứng các hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở còn góp phần quan trọng trong công tác quản lý nhà nước đối với quá trình chuyển quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, tránh thất thoát nguồn thu thuế, giảm gánh nặng cho cơ quan tiến hành tố tụng thông qua việc giảm thiểu số lượng và quy mô tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện các giao dịch liên quan.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, thực tiễn triển khai thực hiện Luật Công chứng năm 2014 cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được khắc phục, cụ thể như sau:

*Thứ nhất,* Luật Công chứng hiện hành còn thiếu các quy định thể hiện rõ mô hình công chứng nước ta là công chứng nội dung (xác định tính hợp pháp, tính xác thực của hợp đồng, giao dịch). Việc xác định bản dịch thuộc phạm vi công chứng còn chưa đúng bản chất công chứng vì thực chất đây là việc thuộc phạm vi chứng thực - chứng thực chữ ký người dịch. Do đó, quy định về công chứng bản dịch chưa thực sự phát huy tác dụng trong thực tiễn.

*Thứ hai,* chất lượng đội ngũ CCV còn chưa đồng đều, một bộ phận CCV còn hạn chế về trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp chưa cao; còn tình trạng vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức hành nghề, cạnh tranh không lành mạnh, chạy theo lợi nhuận gây ảnh hưởng đến hình ảnh của nghề công chứng và uy tín của đội ngũ CCV trong xã hội. Việc hợp danh của CCV tại VPCC ở một số địa phương còn mang tính hình thức. Quy định về chấm dứt tư cách thành viên hợp danh và bổ sung thành viên hợp danh mới tại Văn phòng công chứng (VPCC) còn chưa chặt chẽ, chưa có cơ chế hữu hiệu để kiểm soát và thực tế đã phát sinh không ít tranh chấp giữa các thành viên hợp danh trong một VPCC.

*Thứ ba,* định hướng và việc triển khai định hướng phát triển TCHNCC tại các địa phương còn chưa nhất quán, có phần lúng túng, không đồng đều. Các VPCC được thành lập chưa gắn với địa bàn dân cư, hầu hết tập trung tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển TCHNCC bị bãi bỏ, xuất hiện xu hướng hàng loạt VPCC xin chuyển về các đô thị hoặc khu trung tâm của huyện, thị xã dẫn đến tình trạng một số tỉnh, thành phố tại một số địa bàn cấp huyện không có VPCC hoạt động. Một số VPCC chỉ có 01 CCV hành nghề thực tế, CCV hợp danh còn lại chỉ đứng danh.

*Thứ tư,* một số trình tự, thủ tục về công chứng không còn phù hợp với điều kiện thực tiễn, vừa gây khó khăn cho cả CCV trong quá trình thực hiện quy trình công chứng vừa không tạo thuận lợi cho TCHNCC và người dân, doanh nghiệp.

*Thứ năm,* việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động công chứng tuy đã được thực hiện nhưng mới chỉ là bước đầu, chưa tương xứng với sự phát triển các nhu cầu giao dịch dân sự, kinh tế và sự chuyển đổi số mạnh mẽ trong các lĩnh vực liên quan. Đến nay, việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vẫn còn gặp khó khăn, vướng mắc; chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu công chứng thống nhất trong cả nước; việc kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng với các cơ sở dữ liệu liên quan chưa được thực hiện.

*Thứ sáu,* Luật Công chứng hiện hành chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm. Một số quy định về quản lý nhà nước còn chưa phù hợp; chưa có quy định rõ nét về vị trí, vai trò, nhiệm vụ quyền hạn của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV nhằm phát huy vai trò tự quản của tổ chức này... đã làm hạn chế hiệu quả công tác quản lý hoạt động công chứng.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, đồng thời tạo điều kiện để tiếp tục phát triển hoạt động công chứng theo định hướng xã hội hóa, ổn định, bền vững, phù hợp với thông lệ quốc tế thì việc xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi) để thay thế cho Luật Công chứng năm 2014 là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT CÔNG CHỨNG (SỬA ĐỔI)**

**1. Mục đích**

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và hoạt động công chứng.

- Khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế, tạo cơ sở pháp lý cho bước phát triển mới của hoạt động công chứng theo chủ trương xã hội hóa, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động công chứng, từng bước phát triển nghề công chứng Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

2.1. Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị (khoá IX) về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực tư pháp, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực tư pháp.

2.2. Bảo đảm phân cấp, phân quyền, tiếp tục xã hội hóa, giảm tải cho bộ máy nhà nước, tạo cơ chế hoạt động minh bạch; đơn giản thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch trong xã hội, ưu tiên người yếu thế, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đề cao trách nhiệm và vai trò đóng góp của CCV, TCHNCC đối với xã hội.

2.3. Tiếp tục xác định công chứng là một nghề bổ trợ tư pháp, mà không phải là hoạt động kinh doanh đơn thuần, công chứng viên là người đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chặt chẽ, được Nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm và có chức năng xã hội là cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện; hoạt động công chứng phải góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch trong xã hội, nhất là giao dịch về bất động sản; phòng ngừa tranh chấp, khiếu kiện; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cá nhân, tổ chức, đặc biệt là trong bối cảnh và thực tế hiện nay đang phát sinh ngày càng nhiều tranh chấp và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai, bất động sản; hỗ trợ hoạt động xét xử; tiết kiệm chi phí cho Nhà nước và xã hội, qua đó góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

2.4. Kế thừa, phát triển những quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm, đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định về điều kiện hành nghề công chứng, thành lập các VPCC, nâng cao chất lượng đội ngũ CCV, tăng cường trách nhiệm của CCV trong hoạt động công chứng để công chứng thực sự trở thành công cụ “bảo vệ” giao dịch, tạo thuận tiện cho công dân, tổ chức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công chứng trong điều kiện các giao dịch dân sự, thương mại ngày càng đa dạng, phong phú và phức tạp.

2.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công chứng, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát huy vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV trong quản lý hoạt động công chứng từ góc độ nghề nghiệp, tham gia, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về công chứng.

 2.6. Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước, thông lệ quốc tế về công chứng, phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động công chứng ở Việt Nam; tạo điều kiện để công chứng nước ta hội nhập quốc tế, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của Liên minh công chứng quốc tế.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Thực hiện Công văn số 51/VPCP-PL, Quyết định số /QĐ-TTg, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các công việc theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành Trung ương và các cơ quan địa phương (tháng 4/2023). Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã tổ chức nhiều cuộc họp để xây dựng, soạn thảo, cho ý kiến về dự án Luật.

2. Rà soát, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật năm 2014 và nghiên cứu pháp luật về công chứng của một số nước trên thế giới.

3. Tổ chức các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật, tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia trong nước và nước ngoài về các nội dung lớn, quan trọng của dự án Luật.

4. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự án Luật: đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan. Các ý kiến đóng góp đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật;

5. Ngày …./…/2023, Hội đồng thẩm định đã tiến hành thẩm định dự án Luật và cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.

Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

**IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ BỐ CỤC CỦA DỰ ÁN LUẬT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Trên cơ sở kế thừa Điều 1 của Luật Công chứng năm 2014, dự án Luật đã bổ sung các quy định về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. Theo đó, Luật Công chứng quy định về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, việc hành nghề công chứng, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên, thủ tục công chứng và quản lý nhà nước về công chứng.

**2. Bố cục**

Dự án Luật gồm 10 chương, 85 Điều, cụ thể như sau:

Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 7);

Chương II: Công chứng viên (từ Điều 8 đến Điều 16);

Chương III: Tổ chức hành nghề công chứng (từ Điều 17 đến Điều 34);

Chương IV: Hành nghề công chứng (từ Điều 35 đến Điều 40);

Chương V: Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch (từ Điều 41 đến Điều 63);

Chương VI: Hệ thống thông tin công chứng, cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc, lưu giữ hồ sơ công chứng (từ Điều 64 đến Điều 68);

Chương VII: Phí công chứng, giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng và chi phí khác (từ Điều 69 đến Điều 71);

Chương VIII: Quản lý nhà nước về công chứng (từ Điều 72 đến Điều 74);

Chương IX: Xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết tranh chấp (từ Điều 75 đến Điều 82);

Chương X: Điều khoản thi hành (từ Điều 83 đến Điều 85).

**V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT**

Dự án Luật được xây dựng phù hợp với 05 nhóm chính sách đã được Chính phủ thông qua trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi), cụ thể như sau:

**1. Xác định đúng phạm vi hoạt động công chứng và phạm vi thẩm quyền của CCV; tiếp tục đẩy mạnh quá trình xã hội hóa hoạt động công chứng, chứng thực theo lộ trình phù hợp**

- Dự án Luật quy định rõ khái niệm công chứng là việc CCV chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch (khoản 1 Điều 2). Như vậy, việc chứng nhận bản dịch không còn thuộc phạm vi khái niệm công chứng. Quy định này nhằm xác định đúng thế nào là công chứng, làm cơ sở cho việc quy định các vấn đề có liên quan như nguyên tắc hành nghề công chứng, điều kiện hành nghề công chứng, các hình thức hành nghề công chứng, việc quản lý quá trình hành nghề của CCV...

- Do khái niệm công chứng không còn bao gồm việc công chứng bản dịch, dự án Luật đã quy định việc chứng nhận bản dịch được giao cho CCV thực hiện chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật về chứng thực (điểm c khoản 1 Điều 16). Theo đó, CCV vẫn có thẩm quyền chứng nhận liên quan đến bản dịch nhưng không theo trình tự, thủ tục công chứng mà theo trình tự, thủ tục chứng thực. Như vậy, bên cạnh nghĩa vụ hành nghề công chứng thì CCV có thẩm quyền thực hiện 03 loại việc chứng thực là chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký cá nhân (Luật Công chứng hiện hành đã có quy định về thẩm quyền này) và chứng thực chữ ký người dịch.

- Để tạo cơ sở cho việc quy định các vấn đề liên quan đến hành nghề công chứng, dự án Luật xác định rõ hành nghề công chứng là việc CCV thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch (khoản 5 Điều 2). Như vậy, nếu một CCV chỉ thực hiện việc chứng thực (chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký cá nhân, chữ ký người dịch) thì không được coi là hành nghề công chứng. Đây là cơ sở quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, xác minh quá trình hành nghề của CCV và xem xét xử lý vi phạm hoặc miễn nhiệm nếu CCV không thực hiện đúng các nghĩa vụ trong quá trình hành nghề công chứng.

- Nhằm nâng cao trách nhiệm của CCV trong quá trình thực hiện quy trình công chứng, đồng thời vẫn bảo đảm được quyền chủ động quyết định của người yêu cầu công chứng, dự án Luật bổ sung quy định CCV tiến hành xác minh, yêu cầu giám định trong trường hợp cần thiết để bảo đảm tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; trường hợp người yêu cầu công chứng không đồng ý với việc xác minh, giám định thì CCV có quyền từ chối công chứng (khoản 4 Điều 41).

- Tiếp tục định hướng đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động công chứng, dự án Luật quy định đối với những địa bàn cấp huyện đã phát triển được TCHNCC thì việc chứng nhận hợp đồng, giao dịch do các TCHNCC thực hiện; tại những địa phương này Phòng Tư pháp, UBND cấp xã không chứng thực hợp đồng, giao dịch như hiện nay. Thẩm quyền được giao cho UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương để bảo đảm tính khả thi, vừa đẩy mạnh phát triển hoạt động công chứng, vừa giảm tải cho cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện, cấp xã (điểm e khoản 1 Điều 73).

**2. Phát triển đội ngũ CCV theo hướng tập trung nâng cao chất lượng để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm số lượng phù hợp với nhu cầu công chứng và phát triển ổn định, bền vững**

*a) Về các hành vi bị nghiêm cấm đối với CCV (Điều 7)*

Bên cạnh việc kế thừa các quy định hiện hành, dự án Luật còn bổ sung một số hành vi nghiêm cấm đối với CCV nhằm bảo đảm tính nghiêm túc, kỷ cương trong hoạt động hành nghề công chứng, góp phần xây dựng đội ngũ CCV chất lượng, bền vững, bảo đảm sự ổn định trong tổ chức và hoạt động công chứng. Cụ thể là bổ sung quy định cấm CCV cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ, văn bản giả mạo hoặc bị tẩy xóa, sửa chữa trái pháp luật để đăng ký hành nghề công chứng, đề nghị thành lập, nhận chuyển nhượng hoặc đăng ký hoạt động của VPCC (điểm g khoản 1 Điều 7); đầu tư toàn bộ hoặc góp vốn với CCV khác để thành lập, duy trì hoạt động của VPCC nhưng không tham gia hợp danh vào VPCC đó; góp vốn, nhận vốn góp, hợp tác với tổ chức, cá nhân không phải là CCV để thành lập, duy trì hoạt động của VPCC (điểm n khoản 1 Điều 7). Đây cũng là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng để quản lý hoạt động của CCV và xem xét xử lý kịp thời nếu có vi phạm.

*b) Về tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên (Điều 8)*

Dự án Luật cơ bảnkế thừa các quy định hiện hành về tiêu chuẩn bổ nhiệm CCV, đồng thời giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết về vấn đề này (khoản 2 Điều 8). Việc giao trách nhiệm cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp là cần thiết vì trong quá trình thực hiện Luật Công chứng năm 2014 đã có nhiều ý kiến khác nhau về cách xác định thời gian công tác pháp luật, về tiêu chuẩn “bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng”…, trong khi đó các tiêu chuẩn này không thể được quy định quá chi tiết ở văn bản luật mà cần được cụ thể hóa, được liệt kê từng trường hợp cụ thể trong một văn bản dưới luật, cụ thể là Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

*c) Về đào tạo nghề công chứng (Điều 9)*

- Để nâng cao chất lượng đầu vào của đội ngũ CCV, dự án Luật đã thay quy định về việc miễn đào tạo nghề công chứng và tham dự khoá bồi dưỡng nghề công chứng 03 tháng đối với một số đối tượng như Luật Công chứng hiện hành bằng việc quy định các đối tượng này được tham dự một khoá đào tạo nghề với thời gian ngắn hơn những đối tượng chỉ có bằng cử nhân luật. Quy định này một mặt bảo đảm đúng nguyên lý người muốn hành nghề thì phải được đào tạo nghề, mặt khác vẫn tạo điều kiện thuận lợi hơn cho những người đã có thời gian công tác pháp luật lâu năm, có kinh nghiệm khi muốn tham gia hành nghề công chứng. Với những đối tượng này, thời gian đào tạo nghề công chứng là 06 tháng thay vì phải đào tạo 12 tháng như những người chỉ có bằng cử nhân luật (khoản 2, 3 Điều 9).

- Về đối tượng được tham dự khoá đào tạo nghề công chứng 06 tháng, dự án Luật được xây dựng theo nguyên tắc xác định những đối tượng thực sự xứng đáng được giảm thời gian đào tạo nghề công chứng, vì họ đã có bằng cử nhân luật, có thời gian công tác lâu năm trong các lĩnh vực pháp luật về công chứng hoặc gần với lĩnh vực công chứng. Một số đối tượng mới được bổ sung như người đã có thời gian làm thẩm tra viên chính ngành toà án, thẩm tra viên chính ngành thi hành án dân sự, chấp hành viên trung cấp ngành thi hành án dân sự, kiểm tra viên chính ngành kiểm sát, điều tra viên trung cấp, trợ giúp viên pháp lý hạng II, thanh tra viên chính trong lĩnh vực tư pháp, chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật từ 05 năm trở lên; thừa phát lại đã hành nghề từ 05 năm trở lên; thẩm tra viên cao cấp ngành thi hành án dân sự, chấp hành viên cao cấp ngành thi hành án dân sự, kiểm sát viên cao cấp, người đã là thanh tra viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật… (khoản 3 Điều 9).

*d) Về tập sự hành nghề công chứng, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Điều 10)*

- Dự án Luật quy định thống nhất về thời gian tập sự hành nghề công chứng là 12 tháng đối với tất cả các đối tượng tập sự nhằm bảo đảm những người tập sự có đủ thời gian để rèn luyện, áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã được trang bị trong quá trình đào tạo nghề vào thực tiễn, chuẩn bị đầy đủ cho quá trình hành nghề công chứng sau này. Đồng thời, dự án Luật quy định rõ về thời điểm tính thời gian tập sự và việc thời gian tập sự không được tính là thời gian công tác pháp luật để bổ nhiệm CCV vì thực chất đây vẫn là thời gian học nghề trong thực tiễn, trừ trường hợp người tập sự đồng thời là người lao động của TCHNCC đó (khoản 1 Điều 10).

- Nhằm bảo đảm sự nghiêm túc, thực chất của việc tập sự, có căn cứ cho việc kiểm tra, đánh giá quá trình tập sự, dự án Luật quy định rõ người tập sự hành nghề công chứng phải bảo đảm thời gian tập sự theo ngày, giờ làm việc của TCHNCC nhận tập sự (khoản 4 Điều 10).

- Dự án Luật quy định rõ người được Sở Tư pháp công nhận hoàn thành tập sự thì được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự, đồng thời bổ sung quy định về thời hạn có hiệu lực của giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng nhằm góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ CCV. Theo đó trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận mà người đạt yêu cầu kiểm tra không được bổ nhiệm CCV thì giấy chứng nhận hết hiệu lực; người có giấy chứng nhận hết hiệu lực muốn bổ nhiệm CCV phải đăng ký kiểm tra kết quả tập sự (khoản 5 Điều 10).

*đ) Về bổ nhiệm CCV, tạm đình chỉ hành nghề công chứng, miễn nhiệm và bổ nhiệm lại CCV (từ Điều 11 đến Điều 15)*

- Đối với thủ tục bổ nhiệm CCV, dự thảo Luật cơ bản kế thừa quy định của Luật Công chứng hiện hành, tuy nhiên đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng giảm bớt một số loại giấy tờ mà Sở Tư pháp và Bộ Tư pháp có thể tự tra cứu được thông tin, gồm: (i) Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khoá bồi dưỡng nghề công chứng kèm theo giấy tờ chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng; (ii) Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng. Thay vào đó, nếu người đề nghị bổ nhiệm thuộc trường hợp quy định thì phải nộp giấy tờ chứng minh.

- Dự án Luật bổ sung một số trường hợp không bổ nhiệm CCV để bảo đảm những người thực sự đủ điều kiện mới được bổ nhiệm chức danh này, hạn chế tình trạng bổ nhiệm nhưng không hành nghề trên thực tế hoặc bổ nhiệm những người không thực sự xứng đáng vào đội ngũ CCV. Những trường hợp không được bổ nhiệm mới được bổ sung theo dự án Luật gồm: Người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi (khoản 3 Điều 12); người đang là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức của Phòng công chứng); đang là sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân (khoản 4 Điều 12); người đã được bổ nhiệm thừa phát lại, được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, đấu giá, quản tài viên, được cấp thẻ thẩm định viên về giá mà chưa miễn nhiệm thừa phát lại, chưa thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư, đấu giá, quản tài viên, thẻ thẩm định viên về giá (khoản 6 Điều 12).

Đối với trường hợp đã bị kết án (khoản 1 Điều 12), dự án Luật đang được xây dựng theo 02 phương án. Với phương án 1 thì sẽ không bổ nhiệm CCV đối với người đã bị kết án về tội phạm do vô ý, tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý mà chưa được xoá án tích, người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng kể cả trường hợp đã được xoá án tích. Với phương án 2 (giữ nguyên như Luật Công chứng hiện nay) thì tất cả các trường hợp đã bị kết án về tội phạm do cố ý đều không được bổ nhiệm CCV, kể cả trường hợp đã được xoá án tích. Như vậy, phương án 1 sẽ cho phép một số trường hợp phạm tội do cố ý và đã được xoá án tích vẫn có thể được bổ nhiệm CCV vì xét đến mức độ gây nguy hại không lớn cho xã hội đối với tội phạm mà họ đã thực hiện.

- Dự án Luật bổ sung một số trường hợp bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng và bị miễn nhiệm CCV để kịp thời tạm dừng hoặc đưa những người không còn xứng đáng ra khỏi đội ngũ CCV.

Đối với các trường hợp tạm đình chỉ hành nghề công chứng, dự án Luật bổ sung quy định tạm đình chỉ đối với CCV bị tạm đỉnh chỉ tư cách hội viên. Tuy nhiên, trường hợp này Sở Tư pháp không ra quyết định tạm đình chỉ mà CCV đương nhiên bị tạm đình chỉ hành nghề và TCHNCC chịu trách nhiệm về việc CCV không được hành nghề công chứng trong thời gian này (điểm c khoản 1, khoản 3, 4 Điều 13).

Đối với các trường hợp bị miễn nhiệm CCV, một số trường hợp được bổ sung là miễn nhiệm đối với CCV thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 12 của Luật này (điểm b khoản 2 Điều 14), bao gồm người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, đang là cán bộ, công chức…; người đồng thời hành nghề tại 02 TCHNCC trở lên, kiêm nhiệm hành nghề khác (điểm c khoản 2 Điều 14); người không hành nghề công chứng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được bổ nhiệm CCV (điểm đ khoản 2 Điều 14).

- Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CCV, dự án Luật quy định chặt chẽ hơn về việc bổ nhiệm lại CCV. Theo đó, khoản 3 Điều 15 quy định rõ một số trường hợp chỉ được bổ nhiệm lại sau một thời hạn nhất định (người bị miễn nhiệm do không hành nghề công chứng, do đồng thời hành nghề 02 tổ chức…). Lý do là những trường hợp này cần có thêm thời gian thử thách trước khi có thể được xem xét bổ nhiệm lại, hạn chế tình trạng lợi dụng quy định để thường xuyên đề nghị miễn nhiệm rồi bổ nhiệm lại hoặc một số người chưa thực sự xứng đáng được quay trở lại đội ngũ CCV.

Đối với các trường hợp trước đây đã được miễn nhiệm CCV thì cũng chỉ xem xét bổ nhiệm lại CCV nếu đáp ứng các tiêu chuẩn về sức khoẻ, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật… chứ không đương nhiên được bổ nhiệm lại ngay khi có đề nghị (khoản 1 Điều 15). Quy định này nhằm bảo đảm người được bổ nhiệm lại CCV thực sự là người xứng đáng được quay trở lại đội ngũ CCV, nâng cao chất lượng đội ngũ CCV.

*e) Về quyền, nghĩa vụ của CCV (Điều 16)*

Bên cạnh việc quy định rõ hơn về một số quyền của CCV như quyền tham gia hợp danh vào VPCC có sẵn, quyền chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký cá nhân, chữ ký người dịch, được truy cập vào các cơ sở dữ liệu theo quy định pháp luật để thực hiện việc công chứng (điểm b, c, d khoản 1 Điều 16) thì dự án Luật cũng bổ sung quy định CCV có nghĩa vụ bảo đảm giờ làm việc theo ngày, giờ làm việc của TCHNCC mà mình đang hành nghề (điểm b khoản 2 Điều 16). Đây là sự bổ sung cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho CCV trong quá trình hành nghề, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu hành nghề nghiêm túc, chất lượng đúng với vị trí, vai trò và chức năng xã hội của CCV.

*g) Về điều kiện hành nghề, hình thức hành nghề và cấp Thẻ CCV (Điều 35 - 37)*

- Để bảo đảm tính thống nhất, tạo cơ sở pháp lý cho một số quy định có liên quan, đặc biệt là quy định về trường hợp đương nhiên bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng do bị tạm đình chỉ tư cách hội viên Hội CCV, dự án Luật bổ sung 01 Điều quy định rõ về điều kiện hành nghề công chứng. Theo đó, người có đủ tiêu chuẩn quy định của Luật này muốn được hành nghề công chứng phải được bổ nhiệm CCV và gia nhập Hội CCV địa phương nơi người đó muốn hành nghề (Điều 35).

- Dự án Luật bổ sung 01 hình thức hành nghề của CCV là CCV làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại PCC (điểm c khoản 1 Điều 36). Quy định này vừa tạo thêm cơ hội hành nghề cho CCV, vừa giúp các PCC giải quyết khó khăn trong việc bổ sung CCV là viên chức cho đơn vị vì liên quan đến chỉ tiêu biên chế.

- Về Thẻ CCV, dự thảo Luật tiếp tục quy định CCV được cấp Thẻ CCV để sử dụng trong quá trình hành nghề và thẩm quyền của Sở Tư pháp trong việc cấp Thẻ cho CCV hành nghề tại địa phương. Tuy nhiên, Sở Tư pháp cấp Thẻ CCV cùng với việc ra quyết định đăng ký hoạt động hoặc đăng ký thay đổi nội dung hoạt động cho VPCC; đối với PCC thì CCV được Sở Tư pháp cấp Thẻ ngay sau khi PCC được thành lập hoặc khi PCC bổ sung CCV (khoản 2 Điều 37). Với quy định này, các TCHNCC được giảm bớt 01 thủ tục là đăng ký hành nghề cho CCV của tổ chức mình; các Sở Tư pháp cũng không phải ra 02 quyết định tại 01 thời điểm là quyết định đăng ký hoạt động/đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động và quyết định cấp Thẻ CCV.

**3. Phát triển các TCHNCC ổn định, bền vững, phù hợp với nhu cầu công chứng của xã hội và có sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước để hỗ trợ cho CCV thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được giao**

*a) Thành lập TCHNCC; thành lập và đăng ký hoạt động của VPCC (từ Điều 17 đến Điều 23)*

- Để bảo đảm phát triển các TCHNCC ổn định, bền vững, phù hợp với nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, dự án Luật quy định nguyên tắc phát triển TCHNCC phải căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội, diện tích, số lượng và mật độ phân bố dân cư, nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch trên địa bàn cấp huyện dự kiến thành lập. Các điều kiện này cũng là cơ sở để Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng Đề án phát triển TCHNCC ở địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (khoản 1, 4 Điều 17).

- Về mô hình tổ chức hoạt động của VPCC, khoản 1 Điều 21 của dự thảo Luật đang được xây dựng theo 02 phương án: Phương án 1 là giữ nguyên 01 mô hình VPCC theo loại hình công ty hợp danh; Phương án 2 cho phép CCV lựa chọn thành lập VPCC theo loại hình công ty hợp danh hoặc doanh nghiệp tư nhân. Phương án 1 có ưu điểm là bảo đảm tính thống nhất với quy định của Luật Công chứng hiện hành, không tạo sự biến động về tổ chức đối với các VPCC, tuy nhiên không giải quyết được khó khăn, vướng mắc do tình trạng hợp danh ảo, thường xuyên thay đổi thành viên hợp danh giữa các VPCC. Đối với phương án 2, ưu điểm là CCV có thể lựa chọn mô hình tổ chức VPCC phù hợp với lượng việc công chứng tại địa bàn, tuy nhiên sẽ cần có thời gian để ổn định lại tổ chức của nhiều VPCC do được phép chuyển đổi giữa loại hình công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Nội dung cụ thể của từng phương án được phân tích kỹ hơn tại Chương V của Tờ trình này (Vấn đề xin ý kiến Chính phủ).

- Đối với việc thành lập, tổ chức và hoạt động của VPCC, một trong những vấn đề được dự án Luật tập trung quy định là vấn đề góp vốn của CCV hợp danh để vừa thu hút được những quy định cần thiết của Luật Doanh nghiệp vừa phù hợp với đặc thù hoạt động công chứng. Đây là một trong những nội dung mà Luật Công chứng hiện hành chưa quy định rõ dẫn đến tình trạng phức tạp trong tổ chức, hoạt động của các VPCC trong thời gian vừa qua. Một số nội dung cụ thể được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm CCV hợp danh phải thực sự là người góp vốn vào VPCC, CCV hợp danh thực sự là người sở hữu VPCC và tạo cơ sở cho việc quản lý nhà nước đối với hoạt động của các VPCC bao gồm:

+ Quy định rõ nguyên tắc CCV phải góp vốn vào VPCC mà mình là thành viên hợp danh theo đúng số lượng, thời hạn đã cam kết; phần vốn góp phải được xác định rõ ngay trong hồ sơ đề nghị thành lập VPCC hoặc cam kết trước khi gia nhập VPCC (khoản 1 Điều 21).

+ Danh sách CCV hợp danh dự kiến cũng như danh sách CCV hợp danh khi VPCC đăng ký hoạt động/thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đều phải xác định rõ thông tin về phần vốn góp của từng thành viên hợp danh (khoản 1, khoản 4 Điều 22).

+ CCV hợp danh phải góp đủ số vốn cam kết trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định cho phép thành lập VPCC có hiệu lực thi hành (khoản 3 Điều 22); đối với trường hợp tham gia hợp danh vào VPCC đã có sẵn thì CCV phải nộp đủ số vốn đã cam kết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được chấp thuận trở thành thành viên hợp danh và chậm nhất là trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hành nghề cho CCV đó tại VPCC (khoản 1 Điều 27).

- Thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động của VPCC được quy định đầy đủ, chặt chẽ hơn nhằm bảo đảm phát triển VPCC phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đáp ứng nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch. Một số nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

+ Xác định rõ Sở Tư pháp là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập VPCC, xem xét và đề nghị UBND cấp tỉnh quyết định việc thành lập VPCC (khoản 1, 2 Điều 22).

+ Hồ sơ đề nghị thành lập VPCC phải bao gồm Điều lệ VPCC (khoản 1 Điều 22).

+ Việc thay đổi trụ sở của VPCC sang địa bàn cấp huyện khác trong phạm vi tỉnh, thành phố phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và phải phù hợp với Đề án phát triển TCHNCC đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành (khoản 1 Điều 23).

*b) Thay đổi thành viên hợp danh của VPCC (Điều 26, 27)*

- Dự án Luật quy định rõ các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên hợp danh của VPCC theo hướng thu hút tối đa các quy định của Luật Doanh nghiệp phù hợp với đặc thù của hoạt động công chứng vào Luật này để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của quy định. Một trong những điểm cần lưu ý là việc CCV tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên hợp danh phải gắn liền với việc CCV đó tự nguyện rút vốn khỏi VPCC và phải được thực hiện theo quy trình cụ thể (điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 26); đối với trường hợp khai trừ CCV hợp danh thì chỉ dự án Luật quy định chỉ được khai trừ trong trường hợp cụ thể đã được quy định (điểm đ khoản 1 Điều 26); việc hoàn trả phần vốn góp trong các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên hợp danh cũng được quy định cụ thể theo hướng vừa bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của CCV, vừa bảo đảm ổn định hoạt động của VPCC và quyền lợi của các bên có liên quan (khoản 3 Điều 26).

- Dự án Luật quy định rõ trách nhiệm và thời hạn góp vốn của thành viên hợp danh mới được tiếp nhận vào VPCC để bảo đảm CCV hợp danh thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, bảo đảm việc hợp danh là thực chất (khoản 1 Điều 27). Với quy định này, nếu một CCV không nộp đủ phần vốn góp đã cam kết trước thời điểm đăng ký hành nghề thì tư cách thành viên hợp danh cũng không được xác lập dù CCV đó đã được các thành viên hợp danh khác chấp thuận.

*c) Tạm ngừng hoạt động, thu hồi quyết định cho phép thành lập và chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (từ Điều 30 đến Điều 32)*

- Về nguyên tắc, các VPCC phải hoạt động theo ngày, giờ làm việc của cơ quan hành chính nhà nước để bảo đảm cung cấp dịch vụ công chứng đầy đủ, thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có một số trường hợp VPCC phải tạm ngừng hoạt động trong thời hạn nhất định. Do vậy, dự án Luật bổ sung Điều 30 để quy định rõ các trường hợp tạm ngừng, thời hạn tạm ngừng, trách nhiệm của Sở Tư pháp và nghĩa vụ của VPCC tạm ngừng hoạt động. Theo đó, VPCC không được phép chủ động tạm ngừng hoạt động theo ý muốn của CCV mà chỉ tạm ngừng hoạt động trong những trường hợp bắt buộc và trong những trường hợp này thì VPCC vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình đối với người lao động, người yêu cầu công chứng… Đồng thời, dự án Luật cũng quy định rõ việc xử lý các yêu cầu về sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng, giao dịch, cấp bản sao văn bản công chứng phát sinh trong thời gian VPCC tạm ngừng hoạt động để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người yêu cầu công chứng và tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Với mục tiêu bảo đảm cho các VPCC khi đi vào hoạt động đáp ứng đúng và đầy đủ các điều kiện về nhân sự, cơ sở vật chất… khi VPCC được phê duyệt hồ sơ đề nghị thành lập, bảo đảm sự công bằng giữa các đối tượng nộp hồ sơ đề nghị thành lập VPCC, dự án Luật bổ sung một số trường hợp thu hồi quyết định cho phép thành lập VPCC, bao gồm: (i) Nội dung đăng ký hoạt động của VPCC không phù hợp với hồ sơ đề nghị thành lập VPCC đã được UBND cấp tỉnh cho phép thành lập; (ii) Hết thời hạn góp vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Luật này mà không có ít nhất là 02 CCV góp đúng và đủ số vốn cam kết; (iii) VPCC do tổ chức, người không phải là CCV đầu tư toàn bộ hoặc một phần để thành lập, duy trì hoạt động; (iv) VPCC hết thời hạn tạm ngừng hoạt động quy định tại Điều 30 của Luật này mà lý do tạm ngừng vẫn còn(điểm a, b, g và h khoản 1 Điều 31).

Đồng thời, dự án Luật được sửa đổi theo hướng quy định rõ VPCC bị thu hồi quyết định cho phép thành lập ngay khi không bảo đảm số lượng tối thiểu 02 thành viên hợp danh thay vì cho phép thời hạn 06 tháng để bổ sung CCV hợp danh như trước đây (điểm đ khoản 1 Điều 31).

*d) Quyền và nghĩa vụ của TCHNCC (Điều 33, 34)*

- Về quyền, dự án Luật bổ sung quyền của TCHNCC trong việc: (i) Cung cấp dịch vụ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch được công chứng; (ii) Được khai thác, sử dụng thông tin từ các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động (khoản 4, 5 Điều 33). Việc bổ sung các quyền này sẽ tạo thuận lợi hơn cho TCHNCC trong quá trình hoạt động của mình, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và yêu cầu của quá trình chuyển đổi số hoạt động công chứng.

- Về nghĩa vụ, dự án Luật bổ sung một số nghĩa vụ như sau: (i) Quản lý CCV hành nghề tại tổ chức mình trong việc tuân thủ Điều lệ Hiệp hội CCV Việt Nam; giám sát CCV hành nghề tại tổ chức mình trong việc thực hiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; (ii) Bảo đảm cho CCV của tổ chức mình hành nghề theo ngày, giờ làm việc của TCHNCC; (iii) Chia sẻ thông tin lên cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định pháp luật; (iv) Tạo điều kiện cho CCV của tổ chức mình trong việc hành nghề công chứng; (v) Tiếp nhận hồ sơ công chứng của TCHNCC tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động theo chỉ định của Sở Tư pháp và thực hiện việc công chứng sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng, giao dịch, cấp bản sao văn bản công chứng khi có yêu cầu đối với hồ sơ đó (khoản 1, 3, 7, 10, 11 Điều 34). Việc bổ sung các nghĩa vụ này nhằm nâng cao trách nhiệm của TCHNCC trong việc bảo đảm các điều kiện cần thiết cho cho CCV trong quá trình hành nghề, đồng thời góp phần tạo sự ổn định chung cho hoạt động công chứng tại địa phương.

**4. Xây dựng quy trình công chứng khoa học, gắn với trách nhiệm của CCV, tạo lập cơ sở pháp lý cần thiết để triển khai việc chuyển đổi số trong hoạt động công chứng theo lộ trình phù hợp**

*a) Thủ tục chung về công chứng (từ Điều 41 đến Điều 53)*

- Dự án Luật quy định linh hoạt hơn về việc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng để tạo thuận lợi cho các bên trong việc thực hiện công chứng. Theo đó, việc xuất trình bản chính giấy tờ có thể được thực hiện ngay ở giai đoạn nộp hồ sơ yêu cầu công chứng chứ không quy định cứng nhắc là chỉ được xuất trình trước khi CCV ghi lời chứng như hiện nay, vì trong nhiều trường hợp việc cung cấp sớm bản chính giấy tờ có thể giúp cả CCV và các bên tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng (điểm đ khoản 1 Điều 41).

- Về thời hạn công chứng, dự án Luật không ấn định rập khuôn về thời hạn công chứng như Luật Công chứng hiện hành mà giao quyền chủ động cho các bên. Theo đó, thời hạn công chứng đối với từng loại việc được TCHNCC niêm yết tại trụ sở của tổ chức mình; trường hợp cần thiết người yêu cầu công chứng, CCV trực tiếp giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng và TCHNCC có thể thỏa thuận bằng văn bản về việc kéo dài thời hạn công chứng (khoản 2 Điều 44). Quy định này không tạo sự tuỳ tiện trong việc giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng, vì về nguyên tắc là TCHNCC luôn muốn giải quyết nhanh gọn các yêu cầu công chứng và trong trường hợp cần kéo dài thì các bên có quyền thoả thuận thời gian cụ thể thay vì ấn định cứng là thời gian tối đa 10 ngày mà có nhiều trường hợp yêu cầu công chứng phức tạp không thể giải quyết trong thời hạn này.

- Về địa điểm công chứng, dự án Luật quy định theo hướng tuân thủ nguyên tắc công chứng tại trụ sở; chỉ được công chứng ngoài trụ sở trong một số trường hợp cụ thể đã được quy định rõ, tránh tình trạng lạm dụng quy định về “lý do chính đáng khác” để thực hiện tràn lan việc công chứng ngoài trụ sở như thời gian vừa qua (khoản 2 Điều 45).

- Dự án Luật quy định rõ CCV không được đưa vào lời chứng những nội dung nhằm trốn tránh, loại trừ trách nhiệm của mình hoặc có nội dung vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội (khoản 2 Điều 47). Quy định này nhằm ngăn chặn tình trạng đã xảy ra trên thực tế, cụ thể là một số CCV cố tình trốn tránh trách nhiệm của mình bằng việc đưa vào lời chứng những nội dung theo hướng các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm về hợp đồng, giao dịch, không yêu cầu CCV chịu trách nhiệm hoặc bồi thường…

- Việc công chứng văn bản hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thay bằng việc công chứng văn bản chấm dứt hợp đồng, giao dịch để phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự (Điều 52). Cụ thể là Bộ luật Dân sự quy định các bên có quyền thoả thuận chấm dứt hợp đồng; các bên không thoả thuận huỷ bỏ hợp đồng vì huỷ bỏ hợp đồng là hành vi của một bên trong những trường hợp cụ thể đã được luật quy định hoặc các bên thoả thuận trước là điều kiện để một bên có thể huỷ bỏ hợp đồng. Do vậy, việc sửa đổi quy định của Luật Công chứng về nội dung này là cần thiết.

- Về người có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, dự án Luật bổ sung 01 đối tượng là TCHNCC nơi đã thực hiện việc công chứng (Điều 53), vì đây chính là tổ chức nắm rõ nhất quy trình, thủ tục công chứng đối với một hợp đồng, giao dịch cụ thể. Do vậy, việc trao cho tổ chức này quyền đề nghị tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là cần thiết mà vẫn không xâm hại đến quyền lợi của các bên, vì Tòa án mới là cơ quan có thẩm quyền quyết định.

*b) Thủ tục công chứng một số hợp đồng, giao dịch cụ thể (từ Điều 54 đến Điều 61)*

- Đối với việc công chứng hợp đồng ủy quyền trong trường hợp hai bên không thể cùng đến một TCHNCC, dự án Luật bỏ quy định các bên chỉ có thể đến TCHNCC nơi mình cư trú để yêu cầu công chứng. Thay vào đó, mỗi bên có thể chọn một TCHNCC bất kỳ để thực hiện việc công chứng hợp đồng ủy quyền này (khoản 2 Điều 56).

- Đối với việc công chứng văn bản khai nhận di sản, dự án Luật quy định rõ hơn các trường hợp yêu cầu công chứng văn bản khai nhận di sản và xác định rõ giá trị pháp lý của văn bản khai nhận di sản đã được công chứng nhằm bảo đảm tính đồng bộ với quy định về công chứng văn bản thoả thuận phân chia di sản (khoản 1, 2 Điều 59).

*c) Công chứng điện tử và cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc (Điều 2, Điều 5, Điều 62 - Điều 66)*

Dự án Luật quy định một số vấn đề cơ bản nhất về công chứng điện tử để tạo cơ sở pháp lý cho chuyển đổi số hoạt động công chứng. Đây là cơ sở để Chính phủ quy định các vấn đề cụ thể về công chứng điện tử và triển khai thực hiện quá trình chuyển đổi số công chứng trên thực tế. Một số quy định được bổ sung gồm:

- Quy định về khái niệm công chứng điện tử, văn bản công chứng điện tử, hệ thống thông tin công chứng và cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc theo hướng phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử (khoản 1, 5, 8, 9 Điều 2). Công chứng điện tử là việc công chứng viên sử dụng chữ ký số chứng nhận hợp đồng, giao dịch trên môi trường điện tử tạo ra văn bản công chứng điện tử; cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc là tập hợp các dữ liệu công chứng trên phạm vi toàn quốc được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử…

- Quy định thời điểm phát sinh hiệu lực của văn bản công chứng điện tử để làm căn cứ xác định thời điểm văn bản công chứng điện tử có hiệu lực với các bên giao kết hợp đồng, giao dịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan (khoản 1 Điều 5).

- Bên cạnh các khái niệm cần thiết, dự án Luật dự kiến quy định vấn đề cơ bản nhất về công chứng điện tử là quy trình và các bước thực hiện 02 quy trình công chứng điện tử (trực tiếp hoặc trực tuyến) (Điều 62). Đối với công chứng điện tử trực tiếp, các bên ký kết văn bản hợp đồng, giao dịch theo quy trình công chứng thông thường trên bản giấy; CCV số hóa văn bản hợp đồng mà các bên đã ký kết thành file điện tử, dùng chữ ký số ký chứng nhận giao dịch để tạo thành văn bản công chứng điện tử. Đối với công chứng điện tử trực tuyến, các bên không đến TCHNCC mà gửi toàn bộ dự thảo hợp đồng, giao dịch và các giấy tờ, tài liệu có liên quan cho CCV qua phương tiện điện tử; CCV kiểm tra, đối chiếu thông tin trên các cơ sở dữ liệu có liên quan, soạn thảo hợp đồng, giao dịch trên phần mềm chuyên dụng, chứng kiến các bên ký số vào hợp đồng, giao dịch thông qua phương tiện truyền hình trực tuyến và CCV ký số để tạo lập văn bản công chứng điện tử. Đây là những bước cơ bản nhất mà quy trình công chứng điện tử phải tuân thủ để bảo đảm giá trị pháp lý của văn bản công chứng điện tử đã được xác lập.

- Quy định nguyên tắc cung cấp dịch vụ công chứng điện tử và trách nhiệm của Chính phủ trong việc quy định chi tiết các điều kiện cung cấp dịch vụ công chứng điện tử, thủ tục công chứng điện tử, việc lưu trữ và khai thác hồ sơ công chứng tại cơ sở dữ liệu công chứng*.*(Điều 63).

- Quy định các thành phần của hệ thống thông tin công chứng và trách nhiệm quy định về nội dung, giá trị pháp lý, việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác các thành phần của hệ thống thông tin công chứng (Điều 64).

- Quy định nội dung cơ sở dữ liệu công chứng tập trung, giá trị pháp lý của thông tin được lưu giữ tại cơ sở dữ liệu công chứng tập trung và nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc với các cơ sở dữ liệu khác (Điều 65).

- Quy định hồ sơ công chứng điện tử bao gồm văn bản công chứng điện tử và các giấy tờ, tài liệu kèm theo đã được số hóa; hồ sơ công chứng điện tử được đánh số tự động trên cơ sở dữ liệu công chứng (Điều 66).

- Quy định về việc TCHNCC có thể số hóa văn bản công chứng giấy và hồ sơ công chứng kèm theo để lưu giữ tại cơ sở dữ liệu công chứng (khoản 2 Điều 67).

**5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động công chứng**

*5.1. Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động công chứng (Điều 74 – Điều 82).*

- Để tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động công chứng, dự án Luật bổ sung quy định có tính nguyên tắc về công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động công chứng. Theo đó, dự án Luật quy định rõ về cơ quan có trách nhiệm kiểm tra hoạt động công chứng tại các địa phương, trong phạm vi toàn quốc và đối với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài; việc kiểm tra được thực hiện theo định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất theo yêu cầu công tác quản lý nhà nước. Việc quy định cụ thể về nội dung kiểm tra, thời hạn kiểm tra, phạm vi kiểm tra… được giao cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp (khoản 1 Điều 74).

- Đối với công tác thanh tra, dự án Luật quy định có tính dẫn chiếu vì nội dung này đã được quy định rõ trong hệ thống pháp luật thanh tra (khoản 2 Điều 74).

- Dự án Luật quy định rõ các hình thức xử lý kỷ luật đối với CCV và thẩm quyền, trình tự xem xét kỷ luật CCV (khoản 2 Điều 75). Việc CCV bị xử lý kỷ luật sẽ là cơ sở để xem xét tạm đình chỉ hành nghề công chứng hoặc có thể dẫn đến miễn nhiệm CCV tùy mức độ vi phạm.

- Dự án Luật bổ sung quy định về giải quyết khiếu nại trong hoạt động công chứng, theo đó sẽ có 02 cơ chế giải quyết khiếu nại gồm khiếu nại liên quan đến hành nghề công chứng được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 80, khiếu nại hành chính được giải quyết theo luật khiếu nại (khoản 2 Điều 80) và khiếu nại quyết định kỷ luật của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV (khoản 3 Điều 80).

*5.2. Một số quy định trực tiếp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động công chứng*

Mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động công chứng luôn song hành và đồng thời đạt được thông qua các quy định mới được sửa đổi, bổ sung trong toàn bộ dự án Luật về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại CCV cũng như các quy định về thành lập, đăng ký hoạt động và hoạt động của các TCHNCC như đã được phân tích tại các quy định thuộc các nhóm chính sách nêu trên.

Bên cạnh đó, dự án Luật cũng sửa đổi, bổ sung một số quy định thể hiện tương đối rõ nét cách tiếp cận mới đối với việc quản lý quá trình hành nghề của CCV theo hướng lấy CCV là trung tâm của hoạt động công chứng, CCV là đối tượng chính của công tác quản lý nhà nước thay vì chỉ tập trung vào đối tượng là các TCHNCC như cách quản lý thông thường. Sự kết hợp hài hòa giữa quản lý CCV và quản lý TCHNCC được thể hiện trong một số quy định cụ thể như sau:

*a) Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 7)*

Không chỉ bổ sung các hành vi bị nghiêm cấm đối với CCV, dự án Luật còn bổ sung một số hành vi nghiêm cấm đối với cá nhân, tổ chức có liên quan nhằm bảo đảm tính nghiêm túc, kỷ cương trong hoạt động hành nghề công chứng, bảo đảm sự ổn định trong tổ chức và hoạt động công chứng. Cụ thể là dự án Luật bổ sung quy định cấm CCV cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ, văn bản giả mạo hoặc bị tẩy xóa, sửa chữa trái pháp luật để đăng ký hành nghề công chứng, đề nghị thành lập, nhận chuyển nhượng hoặc đăng ký hoạt động của VPCC (điểm g khoản 1 Điều 7); đầu tư toàn bộ hoặc góp vốn với CCV khác để thành lập, duy trì hoạt động của VPCC nhưng không tham gia hợp danh vào VPCC đó; góp vốn, nhận vốn góp, hợp tác với tổ chức, cá nhân không phải là CCV để thành lập, duy trì hoạt động của VPCC (điểm n khoản 1 Điều 7). Đối với cá nhân, tổ chức khác, dự án Luật bổ sung quy định nghiêm cấm việc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, sử dụng giấy tờ, văn bản giả mạo hoặc bị tẩy xóa, sửa chữa trái pháp luật để đề nghị bổ nhiệm CCV (điểm b khoản 2 Điều 8); cấm tổ chức, cá nhân không phải CCV đầu tư, góp vốn, nhận góp vốn, liên kết, hợp tác với CCV hoặc tổ chức, cá nhân khác để thành lập, duy trì hoạt động của VPCC (điểm đ khoản 2 Điều 7).

*b) Việc bỏ quy định về đăng ký hành nghề, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho CCV thực hiện quyền hành nghề của mình*

Về vấn đề này, dự án Luật kế thừa quy định của Luật Công chứng năm 2014 về việc CCV được cấp Thẻ CCV và thẩm quyền của Sở Tư pháp trong việc cấp Thẻ cho CCV hành nghề tại địa phương. Lý do là quyết định bổ nhiệm CCV là tiền đề quan trọng nhất để một cá nhân được hành nghề công chứng, tuy nhiên để hành nghề trên thực tế thì CCV phải có tên trong danh sách CCV của một TCHNCC cụ thể. Việc Sở Tư pháp cấp Thẻ cho CCV không chỉ là việc ghi nhận CCV hành nghề tại một TCHNCC mà Thẻ CCV còn gắn bó với CCV trong quá trình hành nghề, khi làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan, là giấy tờ bị tịch thu khi CCV bị xử phạt vi phạm hành chính với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề (tước quyền sử dụng Thẻ CCV có thời hạn)…

Tuy nhiên, điểm mới nổi bật là Sở Tư pháp sẽ không cần thực hiện thủ tục đăng ký hành nghề cho CCV nữa mà cấp Thẻ luôn cho CCV của VPCC khi đăng ký hoạt động hoặc đăng ký thay đổi nội dung hoạt động cho VPCC đó; đối với các PCC thì CCV được Sở Tư pháp cấp Thẻ ngay sau khi có quyết định thành lập PCC hoặc khi PCC bổ sung CCV (Điều 37). Quy trình này phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết nhưng vẫn bảo đảm công tác quản lý nhà nước đối với CCV và TCHNCC.

*c) Về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương (Điều 73)*

Dự án Luật bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về công chứng tại địa phương nhằm tăng quyền chủ động quyết định phù hợp với điều kiện thực tế. Cụ thể, UBND cấp tỉnh được giao trách nhiệm ban hành Đề án phát triển tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương (điểm b khoản 1 Điều 73); quyết định việc chuyển giao việc chứng thực hợp đồng, giao dịch từ Phòng Tư pháp cấp huyện, UBND cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng đối với những địa bàn cấp huyện đã phát triển được TCHNCC (điểm e khoản 1 Điều 73); quản lý nhà nước đối với Hội CCV tại địa phương (điểm g khoản 1 Điều 73).

Đối với Sở Tư pháp, bên cạnh nhiệm vụ giúp UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về địa phương, dự án Luật cũng quy định rõ hơn một số nhiệm vụ của Sở Tư pháp trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Phòng công chứng (khoản 2 Điều 18), việc tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập VPCC (khoản 1, 2 Điều 22). Quy định này một mặt phù hợp với quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, vừa phù hợp với chủ trương tăng cường phân cấp trong quản lý nhà nước.

**V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

Trong quá trình soạn thảo dự án Luật, còn một số vấn đề có ý kiến khác nhau, Bộ Tư pháp báo cáo xin ý kiến Chính phủ, cụ thể như sau:

**1. Về tổ chức, hoạt động của Văn phòng công chứng**

*1.1. Về mô hình tổ chức của Văn phòng công chứng (Điều 21)*

Theo quy định của Luật Công chứng năm 2006, VPCC có thể hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh. Thực hiện quy định này, sau 08 năm thi hành Luật Công chứng năm 2006, trong tổng số hơn 600 VPCC được thành lập thì đa số hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân, vì chủ doanh nghiệp tư nhân - CCV duy nhất của VPCC có quyền tự quyết đối với hoạt động của VPCC. Tuy nhiên, do sự thiếu ổn định của VPCC khi CCV duy nhất chết, vì lý do sức khoẻ hoặc lý do cá nhân không thể hành nghề công chứng, Luật Công chứng năm 2014 đã quy định VPCC chỉ hoạt động theo 01 mô hình là công ty hợp danh. Thực hiện quy định này, các VPCC được thành lập mới theo Luật Công chứng năm 2014 đều hoạt động theo loại hình công ty hợp danh; những VPCC theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trước đây cũng phải thực hiện chuyển đổi thành công ty hợp danh, nếu không chuyển đổi được thì phải chấm dứt hoạt động.

Sau hơn 7 năm thực hiện Luật Công chứng năm 2014, bên cạnh những kết quả đạt được trong việc phát triển các VPCC quy mô lớn, thì việc VPCC chỉ được hoạt động theo loại hình công ty hợp danh cũng bộc lộ những điểm bất cập, hạn chế. Cụ thể, tại nhiều địa bàn do điều kiện kinh tế - xã hội chưa phát triển thì số lượng và giá trị của các hợp đồng, giao dịch cũng hạn chế, nếu theo nhu cầu thực tế thì một VPCC chỉ cần 01 CCV nhưng vì quy định của Luật nên buộc phải có thêm 01 CCV hợp danh, dẫn đến tình trạng “hợp danh ảo”, chỉ ghi danh cho đủ số lượng nhưng không thực tế hành nghề. Mặt khác, tình trạng hợp danh khiên cưỡng cũng là nguyên nhân của nhiều tranh chấp giữa các CCV hợp danh, việc thường xuyên chấm dứt tư cách thành viên hợp danh tại VPCC này để gia nhập VPCC khác… Trong khi đó, loại hình doanh nghiệp tư nhân cũng có cơ chế chịu trách nhiệm vô hạn của chủ doanh nghiệp tư nhân giống như công ty hợp danh. Đồng thời, việc cho phép có thêm loại hình doanh nghiệp tư nhân sẽ phù hợp với những địa bàn vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, lượng việc công chứng chưa nhiều, VPCC chỉ cần 01 CCV cũng có thể đáp ứng. Ngoài ra, quy định này sẽ góp phần hạn chế tình trạng tranh chấp nội bộ giữa các thành viên hợp danh và tình trạng phải “mượn danh” đang xảy ra như hiện nay, đồng thời bảo đảm sự đồng bộ với các nghề bổ trợ tư pháp khác như luật sư, đấu giá tài sản.

Bộ Tư pháp thấy rằng việc cho phép CCV lựa chọn mô hình tổ chức hoạt động của VPCC theo loại hình công ty hợp danh hoặc doanh nghiệp tư nhân một mặt tạo sự chủ động cho CCV trong việc chọn mô hình tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế, mặt khác vẫn bảo đảm VPCC hoạt động theo loại hình công ty đối nhân, CCV chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với văn bản công chứng mà mình thực hiện.

Kinh nghiệm của hệ thống công chứng La tinh cho thấy các nước như Pháp, Đức, Tây Ban Nha thì VPCC chỉ thuộc về một cá nhân CCV. Tại Đức, việc liên kết hành nghề hoặc chung văn phòng với với CCV khác phải do Chính phủ Bang cho phép bằng một Nghị định trên cơ sở nhu cầu địa phương; Tây Ban Nha thì linh động hơn trong vấn đề này với quy định các CCV có thể thỏa thuận về việc tổ chức một VPCC chung, tuy nhiên VPCC của một CCV vẫn là mô hình chủ đạo.

Từ những lý do trên, mặc dù vấn đề mô hình tổ chức của VPCC đã được đặt ra, nghiên cứu, báo cáo Chính phủ trong quá trình lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi) (Báo cáo số 316/BC-BTP ngày 21/12/2022 của Bộ Tư pháp về việc tiếp thu, chỉnh lý Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi)), Bộ Tư pháp vẫn đề xuất 02 phương án như trong dự thảo Luật để xin thêm ý kiến.

*1.2. Về tên gọi của Văn phòng công chứng (khoản 3 Điều 21)*

Tương tự như quy định về mô hình tổ chức, quy định về tên gọi của VPCC cũng có sự thay đổi giữa Luật Công chứng năm 2006 và Luật Công chứng năm 2014. Cụ thể là theo Luật Công chứng năm 2006 thì tên gọi của VPCC do công chứng viên lựa chọn; Luật Công chứng năm 2014 quy định tên VPCC được đặt theo họ tên của một trong số các CCV hợp danh và không được trùng với tên VPCC đã có.

 Trong quá trình triển khai thực hiện Luật Công chứng năm 2014, có nhiều ý kiến cho rằng quy định hiện hành về tên gọi của VPCC đã bộc lộ nhiều điểm vướng mắc, bất cập trong trường hợp tên của 02 CCV hợp danh tại một VPCC dự kiến thành lập lại trùng với tên của CCV hợp danh tại VPCC khác đã được lấy làm tên gọi của VPCC đó thì VPCC sắp được thành lập sẽ không thể có tên gọi theo quy định. Mặt khác, việc đặt tên VPCC theo tên CCV hợp danh dẫn đến VPCC thường xuyên phải thay đổi tên gọi khi CCV không còn hành nghề tại tổ chức đó gây tốn kém về thời gian, chi phí cho thủ tục thay đổi tên gọi, gây nhầm lẫn cho người yêu cầu công chứng về VPCC, VPCC không giữ được thương hiệu gây dựng lâu năm… Do đó, có nhiều ý kiến đề xuất cho phép đặt tên VPCC theo thoả thuận giữa các thành viên hợp danh, bảo đảm không trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề công chứng khác, không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mĩ tục của dân tộc.

**2. Về quy định của dự án Luật về vấn đề công chứng điện tử (Điều 62-66)**

Như đã báo cáo ở trên, việc đặt cơ sở pháp lý cho công chứng điện tử, chuyển đổi số hoạt động công chứng là một trong những chính sách lớn đã được đặt ra trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công chứng sửa đổi. Triển khai chính sách này, dự án Luật đã quy định theo hướng Luật Công chứng chỉ quy định những vấn đề cơ bản nhất gồm khái niệm công chứng điện tử, các quy trình công chứng điện tử; khái niệm văn bản công chứng điện tử, giá trị pháp lý của văn bản công chứng điện tử, thời điểm hiệu lực của văn bản công chứng điện tử; khái niệm và thành phần của hệ thống thông tin công chứng, cơ sở dữ liệu công chứng; trách nhiệm cung cấp dịch vụ công chứng điện tử… Các vấn đề cụ thể hơn về điều kiện cung cấp dịch vụ công chứng điện tử, quy trình công chứng điện tử, việc xây dựng, quản lý khai thác cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc… thì được giao cho Chính phủ quy định.

Bộ Tư pháp xin ý kiến Chính phủ về định hướng này và những nội dung thể hiện tại dự án Luật, tính khả thi và lộ trình thực hiện các quy định trên.

**3. Về phí, thù lao công chứng và chi phí khác (chương VII)**

Tiếp tục xác định công chứng là một nghề bổ trợ tư pháp, mà không phải là hoạt động kinh doanh đơn thuần, công chứng viên là người đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chặt chẽ, được Nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm và có chức năng xã hội là cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện, do vậy, hiện nay dự án Luật (từ Điều 69 - 71) đang được xây dựng theo phương án các TCHNCC, gồm cả PCC và VPCC vẫn thu phí công chứng theo pháp luật về phí, lệ phí và chi phí khác; thù lao công chứng thì chuyển thành giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng theo pháp luật về giá; chi phí khác cũng được giữ nguyên. Đối với trách nhiệm của các cơ quan liên quan, dự án Luật giao Bộ Tài chính quy định về phí công chứng; UBND cấp tỉnh quyết định mức trần giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng. Phạm vi của giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng cũng được mở rộng hơn phù hợp với loại việc mà TCHNCC được phép thực hiện.

Trong quá trình xây dựng dự án Luật, có nhiều ý kiến cho rằng việc quy định cả PCC và VPCC đều thu phí công chứng là không đúng bản chất của phí. Mặt khác, việc VPCC thu phí công chứng sẽ không thúc đẩy khả năng cạnh tranh giữa các TCHNCC, do vậy nên chuyển phí công chứng sang cơ chế giá đối với đơn vị thu là các VPCC.

Bộ Tư pháp thấy rằng theo quy định của Luật phí và lệ phí thì phílà khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này. Như vậy, đơn vị thu phí ngoài cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thì còn có tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công. Do đó, Văn phòng công chứng được giao trách nhiệm thì vẫn có thể thu phí như trong thời gian qua; cơ chế xử lý đối với số phí thu được giữa Phòng công chứng và Văn phòng công chứng khác nhau do tính chất của hai loại hình tổ chức hành nghề công chứng này.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Công chứng (sửa đổi), Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Các Thành viên Chính phủ;- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (để p/h);- Văn phòng Chính phủ (để p/h);- Lưu : VT, BTTP. | **BỘ TRƯỞNG****Lê Thành Long** |

1. Thời điểm thực hiện Luật Công chứng năm 2006, cả nước có 1.180 CCV, 625 TCHNCC. Sau hơn 7 năm thực hiện Luật Công chứng năm 2014, cả nước có 3.074 CCV, 1.298 TCHNCC. [↑](#footnote-ref-1)